

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2023/DS-ST

Ngày: 07-9-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Hương và ông Huỳnh Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh- Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 161/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số E, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0939.992.201. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Dương L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số H, đường U, Khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. (theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2023). Điện thoại: 0763.219.219. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần T và Luật sư Nguyễn Thành N – Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số I, đường L, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt ls T, vắng mặt ls N)

- Bị đơn: Ông Trần Tuấn D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số E, đường N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0918.584.969 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nhau, năm 2022 bà **A** cho ông **D** vay với số tiền 2.150.000.000đ (Hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy xác nhận nợ ngày 25/7/2022, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Cùng ngày 25/7/2022 ông **D** viết giấy cam kết trả số tiền nợ trên trước ngày 31/12/2022. Quá trình vay có tháng ông **D** trả lãi, có tháng không, có tháng trả đủ, có tháng trả thiếu nên bà không nhớ số tiền lãi đã nhận là bao nhiêu. Hết thời hạn vay ông **D** vẫn không thanh toán, sau đó ông **D** trả nhiều lần với số tiền vốn là 670.000.000 đồng, còn nợ lại là 1.480.000.000 đồng ông **D** vẫn không thanh toán, bà yêu cầu **Thừa phát lại L2** lập vi bằng thông báo về việc yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông **D** vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà khởi kiện.

Bà yêu cầu ông **Trần Tuấn D** có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay còn nợ lại là 1.480.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm tám mươi triệu) và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/03/2023 đến ngày 07/9/2023.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Căn cứ vào giấy xác nhận nợ và giấy cam kết trả nợ đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả số tiền vốn vay là 1.480.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/3/2023 đến ngày 07/9/2023, mức lãi suất 10%/năm với số tiền 74.000.000 đồng, tổng số tiền vốn và lãi là 1.554.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự ; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn xác lập hợp đồng và có nơi cư trú tại **thành phố L, tỉnh An Giang**. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An

Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ủy quyền cho ông **Bạch Dương L**, văn bản ủy quyền phù hợp quy định pháp luật. Ông **L** tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bà **A** đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của ông **D** theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng bằng văn bản do ông **D** xác lập được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông **D** theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ kết quả xác minh của **công an phường B** xác nhận ông **D** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **Số E, đường N, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang** nên Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.4] Ông **D** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông **D**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông **D** xác lập hợp đồng vay tiền của bà **A** thông qua “Giấy xác nhận nợ”, “Giấy cam kết” cùng ngày 25/7/2022. Số tiền vốn vay là 2.150.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay đến 31/12/2022. Sau khi hết thời hạn vay ông **D** trả nhiều lần đến ngày 01/3/2023 với số tiền là 670.000.000 đồng, còn nợ lại 1.480.000.000 đồng. Hợp đồng vay hai bên xác lập là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự, ông **D** đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, nên yêu cầu khởi kiện buộc ông **D** phải trả số tiền vốn còn lại 1.480.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử (07/9/2023), lãi suất 10%/năm với số tiền 74.000.000 đồng, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.3] Đối với số tiền lãi bà **A** đã nhận, bà **A** trình bày không nhớ đã nhận bao nhiêu, không có chứng từ và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, ông **D** cũng không có ý kiến và cung cấp chứng cứ đối với số tiền lãi đã thanh toán, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét lãi suất các bên đã thanh toán nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp các bên có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **A** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông **D** có trách nhiệm nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 217 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 357, Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà **Nguyễn Thị Ánh**.

Buộc ông **Nguyễn Tuấn D1** có trách nhiệm trả cho bà **Nguyễn Thị Á** số tiền vốn vay là 1.480.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/3/2023 đến 07/9/2023 là 74.000.000 đồng. Tổng số tiền vốn lãi là 1.480.000.000 đồng + 74.000.000 đồng = 1.554.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **D1** có trách nhiệm nộp 58.620.000 đồng (năm mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Á** được nhận lại 28.200.000 đ (hai mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001602 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo:

Bà **Á** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông **D1** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt